

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP GIỮA KÌ 2-NGỮ VĂN LỚP 7

❖ *Các em chuẩn bị KTG_K HK 2 -Tuần 10. Nội dung:*

Đọc hiểu văn bản, tiếng Việt – Tập làm văn. [Tự luận. Cấu trúc: 6-4.]

- Đọc hiểu

+ Nghị luận xã hội

+ Tục ngữ

+ Liên kết trong văn bản: đặc điểm và chức năng

+ Đặc điểm và chức năng của thành ngữ, tục ngữ; Nói quá, nói giảm nói tránh

- Tập làm văn:

+ Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

+ Viết văn bản tường trình.

BÀI TẬP ĐỌC HIỂU

ĐỀ 1

Đọc ngữ liệu sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, tr 36-37)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Văn bản “*Thời gian là vàng*” thuộc loại văn bản nào?

- A. Văn bản biểu cảm
- B. Văn bản nghị luận
- C. Văn bản tự sự
- D. Văn bản thuyết minh

Câu 2: Trong văn bản trên người viết đã đưa ra mấy ý kiến để nêu lên giá trị của thời gian?

- A. 7
- B. 6
- C. 5
- D. 4

Câu 3: Nhận định nào không đúng khi nói văn bản “*Thời gian là vàng*” là bàn về một vấn đề đời sống?

- A. Bài viết ngắn gọn súc tích, thể hiện rõ tình cảm của người viết.
- B. Người viết thể hiện rõ ý kiến đối với vấn đề cần bàn bạc.
- C. Trình bày những ý kiến, lí lẽ, bằng chứng cụ thể.
- D. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Câu 4: Từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây được sử dụng theo hình thức liên kết nào?

*“Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. **Nhưng** vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.”*

- A. Phép thế
- B. Phép lặp
- C. Phép liên tưởng
- D. Phép nối

Câu 5: “*Bữa đực, bữa cái*” trong văn bản có nghĩa là?

- A. Bữa học bữa nghỉ.
- B. Học tập chăm chỉ.
- C. Kiên trì trong học tập.
- D. Chịu khó học tập.

Câu 6: Nội dung chính trong văn bản trên là gì?

- A. Khẳng định giá trị của vàng đối với con người.
- B. Khẳng định giá trị của thời gian đối với con người.
- C. Phải biết tận dụng thời gian trong công việc.
- D. Ý nghĩa của thời gian trong kinh doanh, sản xuất.

Câu 7: Xác định phép lập luận trong văn bản trên.

- A. Phép lập luận chứng minh, giải thích.
- B. Trình bày khái niệm và nêu ví dụ.
- C. Phép liệt kê và đưa số liệu.
- D. Phép lập luận phân tích và chứng minh.

Câu 8: Ý nào đúng khi nói về “*giá trị của thời gian là sự sống*” từ văn bản trên?)

- A. Biết nắm thời cơ, mất thời cơ là thất bại.
- B. Sự sống con người là vô giá, phải biết trân trọng.
- C. Kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.
- D. Phải kiên trì, nhẫn nại mới thành công.

Câu 9: Em tâm đắc thông điệp nào nhất? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian?

.....

.....

.....
.....
.....

ĐỀ 2

Đọc văn bản sau:

“Trái đất thân yêu của chúng ta đang nóng lên trong khoảng mấy thập kỉ gần đây. Sự ấm nóng ấy đã, đang làm ảnh hưởng đến Đại Dương và bầu Khí Quyển bao la. Người ta ví Đại Dương giống như người mẹ vĩ đại và Khí Quyển là người cha khổng lồ cao vời vợi. Đại Dương và Khí Quyển-người mẹ, người cha thiên nhiên đó gắn bó thân thiết, thủy chung hàng triệu triệu năm không thể tách rời. Nếu với con người “Biển cho ta cá như lòng mẹ. Nuôi lớn đời ta tự thuở nào” (Huy Cận), thì Khí Quyển lại cho ta nguồn ô xy quý giá vô cùng, chỉ vài phút thôi không có ô xy, sự sống của con người có thể không tồn tại. Người cha khổng lồ đã dang rộng vòng tay yêu thương, lấy thân mình che chở Trái Đất bớt đi những tia tử ngoại của Mặt Trời để muôn loài được bình an. Vậy mà loài người đang làm Đại Dương và Khí Quyển bị tổn thương nặng vì sự ấm nóng lên của Trái Đất dẫn đến biến đổi khí hậu...

[...] Những hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra khắp nơi không từ một đất nước, dân tộc nào, ảnh hưởng tới nhiều mặt của cuộc sống muôn loài. Đó chính là do sự thay đổi của một vài yếu tố thiên nhiên nhưng nguyên nhân chính vẫn là do các chất khí CO₂, metan,... vào bầu khí quyển do các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người đang làm bề mặt Trái đất nóng lên, dẫn đến đại dương nóng lên.

(Trích sách “Luyện kỹ năng đọc hiểu theo đặc trưng thể loại” quyển
2 – Nguyễn Thị Hậu (Chủ biên)– NXBĐHQG Hà Nội, trang 79 và 81)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

A. Nghị luận.

B. Miêu tả.

C. Tự sự.

D. Biểu cảm.

Câu 2. Nguyên nhân nào làm Trái đất nóng lên?

A. Con người thiếu ô xy.

B. Đại dương rộng lớn.

C. Các chất khí CO₂, metan, ... từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người vào bầu khí quyển.

D. Loài người đang làm Đại Dương và Khí Quyển bị tổn thương nặng.

Câu 3. Theo em, nhan đề của văn bản trên là:

A. Con người với thiên nhiên.

B. Mẹ thiên nhiên.

C. Cần bảo vệ cuộc sống của em.

D. Biến đổi khí hậu với đại dương và khí quyển.

Câu 4. Văn bản trên bàn về vấn đề gì trong cuộc sống hiện nay?

A. Giá trị của thời gian.

B. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng xấu đến trái đất.

C. Giá trị của tri thức.

D. Con người và thiên nhiên.

Câu 5. Câu văn nào sử dụng phép so sánh trong văn bản trên?

A. Sự ấm nóng ấy đã, đang làm ảnh hưởng đến Đại Dương và bầu Khí Quyển bao la.

.....
.....
Câu 10. Từ văn bản trên, em nhận thấy mình cần phải làm gì để bảo vệ môi trường em đang sống?

.....
.....
.....
.....

ĐỀ 3

Đọc văn bản sau:

CON LỪA VÀ BÁC NÔNG DÂN

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại sẩy chân rơi xuống một cái giếng. Lừa kêu la tội nghiệp hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì... Cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già, dù sao thì cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì trong việc cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.

Họ xúc đất và đổ vào giếng. Ngay từ đầu, lừa đã hiểu chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết. Nhưng sau đó lừa trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước lên cao hơn. Chỉ một lúc sau mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

(Con lừa và bác nông dân. TruyenDanGian.Com.)

Câu 1. Xác định thể loại, ngôi kể, phương thức biểu đạt của văn bản.

.....
.....
.....
.....

Câu 2. Trong đoạn một con lừa đã rơi vào hoàn cảnh (tình huống) nào?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Khi con lừa bị ngã, bác nông dân đã làm gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Xác định các phép liên kết trong đoạn thứ 2

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Vì sao bác nông dân quyết định chôn sống chú lừa?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Theo em, những “xẻng đất” trong văn bản tượng trưng cho điều gì?

.....

.....

.....
.....
.....

Câu 7. Vì sao chú lừa lại thoát ra khỏi cái giếng?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8. Em hiểu tính cách của chú lừa như thế nào?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10 . Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

.....
.....
.....
.....
.....



TẬP LÀM VĂN

ĐỀ 1: Có ý kiến cho rằng: “Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mãi chơi mà sao nhãng học tập”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

ĐỀ 2: Em hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

ĐỀ 3:

“Thương người như thể thương thân”

Từ ý nghĩa của câu tục ngữ trên, hãy viết một văn bản nghị luận trình bày suy nghĩ của em về lòng thương người.

GỢI Ý

ĐỀ 1

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: trò chơi điện tử.

II. Thân bài:

1. Giải thích

- Trò chơi điện tử là những trò chơi giải trí được ra đời dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin và các thiết bị điện tử
- Đang phát triển mạnh mẽ với rất nhiều loại game phong phú và đa dạng.
- Số lượng các quán game, quán net mọc lên hàng loạt với sự đông đúc.
- Đối tượng: không chỉ phổ biến đối với trẻ em, lứa tuổi thanh thiếu niên, mà còn với cả người trưởng thành nhưng chủ yếu rơi vào đối tượng các bạn học sinh, sinh viên.

2. Bình luận

a. Tác dụng/lợi ích của trò chơi điện tử

- Giải tỏa căng thẳng
- Tạo niềm vui, sự gắn kết giữa người chơi với nhau, giúp con người giảm bớt căng thẳng, mệt mỏi.
- Tính giáo dục, rèn luyện: nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức, rèn luyện lại các nội dung đã học hoặc thêm trải nghiệm về đời sống.

b. Tác hại của trò chơi điện tử

- Nguy cơ khi chơi nhiều và chơi không để ý thời gian:
 - + Gây ảo giác, nhầm lẫn giữa trò chơi và đời thực.
 - + Ảnh hưởng sức khỏe, chất lượng học tập, công việc, độ minh mẫn.

+ Trở thành những mối nguy hại và là một trong những con đường dẫn con người sa vào tệ nạn xã hội.

c. *Giải pháp để trò chơi điện tử là một công cụ có ích cho con người*

- Tuyên truyền, phổ biến về những hậu quả mà trò chơi điện tử gây ra khi con người lạm dụng nó.

- Người chơi cần biết sắp xếp và sử dụng thời gian hợp lí, không dành quá nhiều thời gian cho các trò chơi tiêu khiển vô bổ.

- Lựa chọn giải trí bằng những trò chơi có lợi cho sức khỏe như vận động thể dục thể thao...

- Giữa gia đình, nhà trường cần có sự phối hợp trong việc định hướng cho học sinh tìm đến những trò chơi bổ ích và tránh xa trò chơi điện tử.

3. Kết luận

- Khẳng định: ham mê trò chơi điện tử không xấu.

- Ham mê trò chơi điện tử làm ảnh hưởng tới sức khỏe, chất lượng cuộc sống, học tập mới xấu.

III. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.

- Bài học nhận thức và hành động. Liên hệ bản thân

ĐỀ 2:

Hs tham khảo đề 1 và đề 3

ĐỀ 3

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận: lòng thương người.

II. Thân bài:

HS trình bày ý kiến về vấn đề lòng thương người, cần đảm bảo các ý sau:

- Giải thích những từ ngữ, câu:

+ Thương người là thương yêu mọi người xung quanh, quan tâm, chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ.

+ Thương thân là thương chính bản thân.

+ Câu tục ngữ nhắc nhở chúng ta phải biết thương yêu, trân trọng mọi người như chính bản thân.

- Trình bày được quan điểm, ý kiến:

+ Khẳng định ý kiến tán thành: lòng thương người là phẩm chất cao đẹp của con người.

- + Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục.
- + Nhấn gửi thông điệp về vấn đề trong đời sống: mỗi chúng ta luôn làm giàu tâm hồn mình bằng lẽ sống biết yêu thương và chia sẻ. Bởi tình yêu thương là cội nguồn của hạnh phúc.

III. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề cần nghị luận.
- Bài học nhận thức và hành động. Liên hệ bản thân